

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thảo Q; sinh năm 1994; thường trú: Số 54/2B, ấp An Hòa, xã H, thành phố B, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1987; thường trú: Số 9/1, khu phố N, phường B1, thị xã D, tỉnh B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thảo Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Trịnh Thảo Q và anh Lê Hữu T có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng, đến năm 2017 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2017, ngày 22/5/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình chị Trịnh Thảo Q tại xã H, thành phố B, tỉnh Đ, đến tháng 4/2019 vợ chồng sống ly thân, anh Lê Hữu T về tại phường B1, thị xã D, tỉnh B sinh sống.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Hữu T không lo làm, thu nhập không ổn định, không phụ giúp cho chị Trịnh Thảo Q về mặt kinh tế và cư xử với cha mẹ vợ không đúng mực, vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi mặc dù đã trao đổi nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị Trịnh Thảo Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu T

Hiện nay, chị Trịnh Thảo Q đang làm công nhân, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, anh Tài làm nghề gì thu nhập bao nhiêu chị Trịnh Thảo Q không biết. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với chị Trịnh Thảo Q do chị Trịnh Thảo Q trực tiếp chăm sóc, hiện nay chị Quyên đang ở cùng với cha, mẹ đẻ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 06/12/2017. Sau khi ly hôn chị Trịnh Thảo Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại bản tự khai ngày 22/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu T thống nhất với phần trình bày của chị Trịnh Thảo Q về thời gian tìm hiểu, chung sống, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, chi tiêu trong gia đình, chị Quyên không trao đổi với anh Tài. Đến tháng 4/2019, vợ chồng sống ly thân, anh Lê Hữu T về nhà cha mẹ tại khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh B sinh sống vì có cuộc điện thoại của người đàn ông gọi vào điện thoại của chị Trịnh Thảo Q nên xảy ra mâu thuẫn những người trong gia đình chị Trịnh Thảo Q. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Trịnh Thảo Q. Nay, chị Trịnh Thảo Q yêu cầu ly hôn anh Lê Hữu T không đồng ý vì vẫn còn yêu thương vợ, con.

Về con chung: Anh Lê Hữu T thống nhất với lời trình bày của chị Trịnh Thảo Q về số con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh của con. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh Lê Hữu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Trịnh Thảo Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D tại ủy ban nhân dân phường Bình Thắng, thị xã D, tỉnh B thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Bình Thắng không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân hay thông tin về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trịnh Thảo Q và anh Lê Hữu T trong thời gian anh, chị sống chung tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thảo Q; đối với con chung giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 06/12/2017 cho chị Trịnh Thảo Q trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thảo Q về việc không yêu cầu anh Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi; về tài sản chung, nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thảo Q và anh Lê Hữu T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2017, ngày 22/5/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Trịnh Thảo Q xác định cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Lê Hữu T không lo làm để có thu nhập vun vén gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019, chị Quyên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Anh Lê Hữu T thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân vào tháng 4/2019, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, chi tiêu trong gia đình nhưng là mâu thuẫn nhỏ, anh Lê Hữu T còn yêu thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thảo Q và anh Lê Hữu T mới kết hôn 02 năm nhưng đã có những mâu thuẫn như bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về kinh tế, không thống nhất về chi tiêu trong gia đình, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Lê Hữu T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh Lê Hữu T không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và thực tế hiện nay hai vợ chồng vẫn sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trịnh Thảo Q yêu cầu được ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q có 01 con chung Lê Gia H, sinh ngày 06/12/2017. Anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con, tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, bảo đảm tốt nhất quyền lợi của con chưa thành niên và phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với

lợi ích của con”, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Lê Gia H ở với mẹ là chị Trịnh Thảo Q và do chị Quyên chăm sóc vì vậy có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Trịnh Thảo Q về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Lê Hữu T có quyền đi lại, thăm nom con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thảo Q về việc không yêu cầu anh Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thảo Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thảo Q được ly hôn với anh Lê Hữu T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 06/12/2017 cho Chị Trịnh Thảo Q trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thảo Q về việc không yêu cầu anh Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi

Sau khi ly hôn, anh Lê Hữu T và chị Trịnh Thảo Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thảo Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 028802 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B. Anh Lê Hữu T không phải nộp.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND xã Hóa An,
thành phố Biên Hòa, T.Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên